

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2019

**DỰ KIẾN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH  
VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2019**

**I. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2018**

- Tổng doanh thu toàn Tập đoàn đạt 154.210 tỷ đồng, trong đó doanh thu hợp nhất toàn Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT): 55.730 tỷ đồng;
- Tổng lợi nhuận (trước thuế) hợp nhất toàn VNPT: 6.445 tỷ đồng;
- Tổng nộp NSNN toàn VNPT: 4.487 tỷ đồng;
- Thuê bao viễn thông:
  - Tổng số thuê bao điện thoại đạt trên 34 triệu thuê bao, trong đó thuê bao cố định (có dây, không dây) đạt 2,7 triệu thuê bao; thuê bao di động đạt 31,3 triệu thuê bao.
  - Tổng số thuê bao Internet băng rộng đạt 5,2 triệu thuê bao, trong đó thuê bao FiberVNN đạt 5 triệu thuê bao.
- Tổng vốn đầu tư (ước thực hiện): 12.763 tỷ đồng.

**II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2019**

TT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch
1	Các chỉ tiêu sản lượng chủ yếu		
	- Thuê bao di động thực tăng	Nghìn thuê bao	2.500
	- Thuê bao Internet băng rộng cố định thực tăng	Nghìn thuê bao	1.100
2	Chỉ tiêu sản phẩm, dịch vụ công ích (nếu có)		
3	Tổng doanh thu toàn Tập đoàn	Tỷ đồng	166.320
	Trong đó doanh thu hợp nhất	Tỷ đồng	56.784
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	7.090
5	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	4.926
6	Tổng vốn đầu tư	Tỷ đồng	12.200

**III. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

Nhằm thực hiện thắng lợi các mục tiêu, chỉ tiêu kế hoạch đã đặt ra, trong năm 2019 Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam tập trung triển khai một số nhiệm vụ, giải pháp như sau:

1. Công tác cơ cấu lại Tập đoàn: Tiếp tục thực hiện phương án cơ cấu lại VNPT giai đoạn 2018-2020 theo Quyết định số 2129/QĐ-TTg ngày 29/12/2017 của Thủ tướng

Chính phủ; tổ chức triển khai nội dung công việc phục vụ cho quá trình cổ phần hóa công ty mẹ theo phê duyệt của Chính phủ và Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Tiếp tục đổi mới mô hình tổ chức sản xuất kinh doanh phù hợp với mô hình eTOM, ITIL theo hướng tinh giản, gọn nhẹ.

2. Tập trung đẩy mạnh chuyển đổi công tác điều hành, quản trị nhằm phù hợp với mục tiêu Chiến lược VNPT4.0 và theo mô hình trung tâm dẫn dắt trong điều hành hoạt động của Tập đoàn.

3. Hoàn thiện công cụ quản trị doanh nghiệp, thống nhất áp dụng phương pháp Lean Six Sigma (LSS) trong hoạt động quản trị nâng cao hiệu quả chất lượng của Tập đoàn, từng bước xây dựng LSS trở thành văn hóa của Tập đoàn, văn hóa phát hiện vấn đề và xử lý theo phương pháp luận LSS ở mỗi đơn vị, bộ phận

4. Xây dựng mới bộ chỉ tiêu về chất lượng mạng lưới đồng bộ với chỉ tiêu về trải nghiệm khách hàng; Tự động hóa hệ thống giám sát, đo kiểm chất lượng mạng lưới, chất lượng dịch vụ Viễn thông - CNTT của Tập đoàn, đặc biệt là các dịch vụ MyTV, di động và dịch vụ CNTT.

5. Tổ chức xây dựng và ban hành RACI, đồng bộ KPI cho tất cả các nhiệm vụ/công đoạn: Kế hoạch/nguyên tắc tổ chức, phát triển mạng lưới, giám sát, đo kiểm, tối ưu hóa, nâng cao chất lượng mạng lưới và dịch vụ viễn thông và CNTT; chuẩn hóa CSHT nhà trạm để nâng cao chất lượng điều hành xử lý số.

6. Cập nhật tình hình chuẩn hóa, triển khai thử nghiệm, thương mại trên thế giới để đề ra định hướng 5G road map của VNPT.

7. Cập nhật tình hình chuẩn hóa, triển khai thử nghiệm, thương mại trên thế giới để đề ra định hướng kiến trúc và giải pháp IoT của VNPT.

8. Tập trung kinh doanh các dịch vụ chiến lược như Data, dịch vụ số, dịch vụ quốc tế; đồng thời duy trì và gia tăng các dịch vụ cốt lõi nhằm hoàn thành mục tiêu đề ra.

9. Tập trung công tác nghiên cứu sản phẩm, xúc tiến, phát triển thị trường khối khách hàng doanh nghiệp.

10. Đẩy mạnh triển khai dự án tại Myanmar (Liên doanh Stream Net), tập trung phát triển nhanh số lượng thuê bao và thúc đẩy các dịch vụ nội dung, dịch vụ số, CNTT cả trên hạ tầng mạng của Liên doanh nói riêng và tại Myanmar nói chung.


11. Hoàn thành dự án E-Office cho Bộ Bưu chính Viễn thông Lào, đồng thời thúc đẩy đưa giải pháp E-Office cho các Bộ/Ban/Ngành khác cũng như triển khai cung cấp các dịch vụ CNTT tại Lào.

12. Tập trung đầu tư tối ưu, sắp xếp, tăng cường chất lượng và năng lực của mạng thông tin di động 4G, tăng cường phủ sóng với chất lượng, băng thông truy nhập cao, hướng tới mục tiêu vùng phủ sóng 3G/4G trên 95% dân số và 90% lãnh thổ trong năm 2019.

13. Đẩy mạnh đầu tư, phát triển các dịch vụ giá trị gia tăng trên nền di động, băng rộng cố định và các dịch vụ data, dịch vụ IPTV Multimedia, dịch vụ IDC và hạ tầng, dịch vụ CNTT cho tổ chức, doanh nghiệp trong các lĩnh vực y tế, giáo dục, chính phủ điện tử, quản lý/quản trị điện tử, Smart City và các dịch vụ, tiện ích mang tính tích hợp

Viễn thông - Công nghệ thông tin như Cloud, phân tích dữ liệu Big data, IoT/M2M,... có tiềm năng và hiệu quả kinh doanh cao.

14. Đầu tư mở rộng năng lực các hệ thống truyền tải, cung cấp dịch vụ truy nhập băng rộng cố định và di động để đảm bảo truyền tải và chất lượng dịch vụ; Hạ tầng mạng truy nhập quang phục vụ phát triển thuê bao quang FTTx, thu hút khách hàng, tăng thị phần, chiếm lĩnh thị trường truy nhập băng rộng, đảm bảo khả năng cạnh tranh trước các dịch vụ của các đối thủ.

15. Tăng cường công tác giám sát, đánh giá, quản lý chất lượng nhà cung cấp và chất lượng sản phẩm mua sắm thiết bị tập trung; Hoàn thiện phần mềm quản lý vật tư mua sắm tập trung để thông tin về quá trình mua sắm, giao nhận thiết bị, quản lý chất lượng và bảo hành đến được đơn vị sử dụng nhanh nhất. 

NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN  
KT. TỔNG GIÁM ĐỐC  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



**Tô Mạnh Cường**

eOffice: 187179